

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **110** /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày **13** tháng **01** năm **2023**

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Trạm biến áp 500kV Tây Ninh 1 và đường dây đấu nối
của Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 7978/STNMT-PBVMT ngày 25/11/2022 của Sở Tài nguyên
và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Trạm
biến áp 500kV Tây Ninh 1 và đường dây đấu nối của Tổng Công ty truyền tải
điện quốc gia;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trạm biến
áp 500kV Tây Ninh 1 và đường dây đấu nối đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm
theo Công văn số 5009/EVNNPT-ĐT ngày 22/12/2022 của Tổng Công ty truyền
tải điện quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số:
...~~88~~18.../TTr-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trạm biến áp 500kV Tây Ninh 1 và đường dây đấu nối (sau đây gọi là Dự án) của Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- UBND huyện Gò Dầu;
- UBND các xã, phường: Lộc Hưng, Gia Lộc, Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Đông, huyện Gò Dầu;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.**



Trần Văn Chiến

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
TRẠM BIẾN ÁP 500 kV TÂY NINH 1 VÀ ĐƯỜNG DÂY ĐÁU NỐI CỦA
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA**
(Kèm theo Quyết định số. 110...../QĐ-UBND ngày 13. tháng 01 năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Trạm biến áp 500kV Tây Ninh 1 và đường dây đấu nối.
- Địa điểm thực hiện Dự án: xã Đôn Thuận, phường Lộc Hưng, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng và xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia.
- Địa chỉ trụ sở chính: số 18 Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô:

- Phạm vi dự án: Xây mới Trạm biến áp 500kV Tây Ninh 1 và các đường dây đấu nối 500kV, đường dây đấu nối 220kV.
- Quy mô dự án: Trạm biến áp 500kV Tây Ninh 1 có quy mô 3 máy biến áp công suất: MBA 500/220/35kV – 900MVA. Các đường dây đấu nối bao gồm: đường dây đấu nối 500kV số 1 dài 0,4 km, đường dây đấu nối 500kV số 2 dài 0,4 km và đường dây đấu nối 220kV dài 7,98 km.

1.3. Quy trình vận hành:

Trạm biến áp 500kV Tây Ninh 1 và đường dây đấu nối là dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật điện. Đây là trạm biến áp trung gian, thực hiện biến đổi điện áp để phục vụ công tác truyền tải điện năng từ nguồn phát điện đến khu vực tiêu thụ.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng 7,8 ha đất trồng lúa để xây dựng các hạng mục công trình.

1.5. Các hạng mục công trình:

- Hạng mục chính:
 - + Trạm biến áp 500kV Tây Ninh 1 có tổng diện tích 147.358 m² bao gồm : nhà điều khiển, sân phân phối điện, nhà nghỉ chờ ca, đường nội bộ.... Quy mô trạm biến áp gồm 3 máy biến áp (500/220/35kV – 900MVA).
 - + Đường kết nối từ trạm biến áp vào đường nhựa hiện hữu tại khu vực dài khoảng 136 m.
 - + Đường dây đấu nối 500kV số 1 dài 0,4 km.
 - + Đường dây đấu nối 500kV số 2 dài 0,4 km.
 - + Đường dây đấu nối 220kV dài 7,98 km.



2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Hoạt động giải phóng mặt ảnh hưởng đến đất nông nghiệp, tài sản của người dân khu vực dự án.

+ Hoạt động vận chuyển vật tư thi công, vận hành thiết bị máy móc thi công và tập kết, bốc dỡ vật tư thi công làm phát sinh bụi, khí thải.

+ Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt và chất thải rắn sinh hoạt.

+ Hoạt động thi công xây dựng phát sinh chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động của nhân viên vận hành phát sinh nước thải sinh hoạt và chất thải rắn sinh hoạt.

+ Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng làm phát sinh chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải

- Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án: nước thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên đơn vị thi công, lưu lượng tối đa 4,5 m³/ngày.đêm; nước thải từ quá trình vệ sinh các dụng cụ xây dựng.

- Trong giai đoạn vận hành Dự án: nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên vận hành với lưu lượng tối đa khoảng 0,9 m³/ngày.đêm.

- Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt: chất thải rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, Nitơ, Photpho, Coliform....

3.1.2. Khí thải

Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng; bụi từ hoạt động bốc dỡ nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành Dự án: Không phát sinh khí thải.

- Thông số ô nhiễm đặc trưng của khí thải: bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOCs,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

* Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên đơn vị thi công, giám sát, khối lượng phát sinh khoảng 40 kg/ngày; thành phần: bao bì, vỏ lon đựng thức uống, hộp thức ăn thừa,...

Chất thải rắn từ quá trình dọn dẹp mặt bằng, thi công, khối lượng phát sinh khoảng 90kg/ngày.đêm;

Chất thải nguy hại từ hoạt động máy móc thiết bị: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, thùng sơn... khối lượng phát sinh khoảng 15-25kg/tháng.

* Trong giai đoạn vận hành Dự án:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên vận hành; khối lượng phát sinh khoảng 8,4 kg/ngày; thành phần: bao bì, vỏ lon đựng thức uống, hộp thức ăn thừa,....

- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 15-25 kg/năm; thành phần: giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy thải, hộp mực in, bóng đèn huỳnh quang...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động máy móc thiết bị thi công xây dựng.

- Trong giai đoạn vận hành Dự án: Không phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải:

Công trình, biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công xây dựng: thuê nhà vệ sinh di động cho công nhân viên sử dụng.

- Công trình, biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành: Trong quá trình vận hành chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt của nhân viên vận hành, lưu lượng phát sinh thấp (0,9 m³/ngày). Nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý bằng bể tự hoại cải tiến Bastaf. Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại cải tiến Bastaf đạt QCVN 14:2018/BTNMT, cột A xả thải ra mương thoát nước chung khu vực. Bùn trong bể tự hoại định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với thu gom, xử lý khí thải:

- Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công: che chắn xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm, phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành: Không phát sinh khí thải.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.
- Chủ đầu tư tổ chức thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, phân loại, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Chủ đầu tư tổ chức thực hiện thu gom, phân loại, giám sát, quản lý chặt chẽ đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Trong giai đoạn thi công: sử dụng các thiết bị thi công đã đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công phát sinh tiếng ồn lớn phải lắp đặt thiết bị giảm thanh.

- Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh tiếng ồn và độ rung.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn trong giai đoạn triển khai xây dựng: thường xuyên thu dọn các chất bẩn trên mặt bằng công trường, đảm bảo thi công tới đâu gọn gàng tới đó; hạn chế thi công vào mùa mưa; xây dựng hệ thống các rãnh thu nước dọc công trường thi công và hệ thống hồ lắng dọc công trường thi công để thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ. Trong giai đoạn vận hành: mạng lưới thu gom nước mưa phải tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống tiêu thoát nước, bảo đảm khả năng tiêu thoát nước.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân để phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động; lắp đặt biển báo, biển cảnh báo nguy hiểm tại vị trí thi công, rào chắn tại các vị trí nguy hiểm để phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Lắp đặt hệ thống biển báo an toàn lao động, biển chỉ dẫn tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát.

- Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

- Kiểm tra hệ thống thoát nước; định kỳ thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng công trình, kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn triển khai xây dựng: xây dựng phương án tổ chức thi công đảm bảo an toàn; rào chắn tại các vị trí nguy hiểm để phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội: phối hợp với cơ quan chức năng, đảm bảo an ninh trật tự.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công:

5.1.1. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Tần suất: giám sát thường xuyên.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải phát sinh.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành:

5.2.1. Chương trình giám sát điện trường

- Vị trí giám sát: khu vực công trạm biến áp, nhà điều khiển và khu vực đặt máy biến áp.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy định hiện hành: Nghị định số 14/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/02/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/04/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

5.2.2. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Tần suất: giám sát thường xuyên.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải phát sinh.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.3. Chương trình giám sát nước thải sinh hoạt

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, Nitrat, Phosphat, Tổng Coliforms.
- Tần suất: 3 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: nước thải sau xử lý tại bể tự hoại cải tiến.
- Quy định áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k=1,2).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thi công xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của dự án.

- Cam kết phối hợp với Hội đồng giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân các cấp và các hộ dân có liên quan đến dự án để giải quyết các vấn đề về thu hồi đất. Thực hiện các phương án đền bù theo đúng đơn giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của quyết định phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt thu gom, xử lý bằng bể tự hoại cải tiến Bastaf đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình thi công xây dựng, vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan./.